

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21/6/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cúc

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đặng Văn Thuận  
2. Bà Quách Thị Tình

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án, TAND huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoàn – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Trương Thị X; Sinh năm: 1996

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

*2. Bị đơn:* Anh Trần Đức L; Sinh năm: 1992

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/3/2022 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Trương Thị X trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Đức L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 15/7/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận đến năm 2018 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ. Thêm vào đó, quan hệ của chị với mẹ chồng không được tốt nên không khí gia đình luôn trong tình trạng căng thẳng, cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc. Chị và anh L đã sống ly thân đến nay hơn 3 năm, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể không thể chung sống được nữa nên đề nghị TAND huyện Thạch Thành giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Văn Bảo N, sinh ngày 31/7/2014. Hiện nay cháu đang ở với bố và bà nội. Để tránh sự xáo trộn trong cuộc sống và sinh hoạt của cháu. Ly hôn, chị đề nghị được giao con cho anh L trực tiếp

nuôi dưỡng, chi cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng từ khi vụ án được giải quyết xong đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã Tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập anh Trần Đức L để nộp bản tự khai nhưng anh L đều vắng mặt nên không có lời khai của anh L trong hồ sơ vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Xử cho Trương Thị X được ly hôn anh Trần Đức L; Về con chung: Giao cháu Trần Văn Bảo N, sinh ngày 31/7/2014 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, Chị X cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2022 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh L không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh L theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Anh L đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh L đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa hôm nay, anh L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh L.

[5]. Về hôn nhân: Chị Trương Thị X và anh Trần Đức L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 15/7/2014 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận đến năm 2018 thì mâu thuẫn trầm trọng.

Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ. Thêm vào đó, quan hệ của chị X với mẹ chồng không được tốt nên không khí gia đình luôn trong tình trạng căng thẳng, cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc. Chị X đã về nhà bố mẹ đẻ từ năm 2019 và vợ chồng sống ly thân từ đó, đến nay mỗi người một nơi, không còn qua lại, quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này đã được các cấp chính quyền xã T và T xác nhận và cũng phù hợp với nội dung Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân mà Tòa án đã tiến hành thu thập. Nay chị X nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh L, HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Trương Thị X được ly hôn anh Trần Đức L.

[6]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung. Ly hôn, chị X yêu cầu được giao con cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L mỗi tháng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu N luôn ở với anh L và bà nội. Bản thân cháu cũng có nguyện vọng được ở với bố. Để tránh sự xáo trộn trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày của cháu. Nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị X.

[7]. Về tài sản: Chị X không yêu cầu nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Chị X phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.  
Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị X được ly hôn anh Trần Đức L.

Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Văn Bảo N, sinh ngày 31/7/2014 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chị X cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L mỗi tháng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 6 năm 2022 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc đến khi các đương sự có yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng khác.

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. Chị X có quyền được thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Trương Thị X phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con. Chị X đã nộp tạm ứng án phí DSST là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số AA/2021/0007603 ngày 04/4/2022, chị X còn phải nộp tiếp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Trương Thị X, vắng mặt anh Trần Đức L. Chị X có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh L có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Cúc**